

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PH  
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2024/DS-ST

Ngày: 27/3/2024

Về: “*Tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản*”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PH, TỈNH PHÚ YÊN**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Minh Nhật.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Văn Trường và ông Trần Văn Tuyên.

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Công Tân - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện PH, tỉnh Phú Yên.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PH tham gia phiên tòa:*** Trần Thế Hiển – Kiểm sát viên.

Ngày 27/3/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện PH, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 177/2023/DS-ST ngày 23 tháng 11 năm 2023 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2024/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 3 năm 2024, giữa:

***Nguyên đơn:*** Ông Phan H, sinh năm 1969;

Địa chỉ: Thôn ĐP, xã HQN, huyện PH, tỉnh Phú Yên. Có mặt tại phiên tòa.

***Bị đơn:*** Bà Phạm Thị D, sinh năm: 1991;

Địa chỉ: Thôn PT, xã HQN, huyện PH, tỉnh Phú Yên. Có mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn ông Phan H trình bày:*

Ngày 27/12/2021, ông Phan H có cho bà Phạm Thị D vay 150.000.000 đồng để trả nợ cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Chi nhánh huyện PH và hẹn ngày 28/12/2021 sau khi bà D vay được tiền ở ngân hàng sẽ trả nợ cho ông H. Nhưng sau khi bà D trả nợ cho ngân hàng xong thì phía ngân hàng thông báo bà D còn khoản nợ xấu khác nên không vay lại được. Ngày 17/01/2022, ông H cho bà D vay tiếp 6.000.000 đồng để trả nợ xấu, sau đó các bên cùng nhau đến Ngân hàng để làm thủ tục vay, nhưng bà D không vay được

tiền ở Ngân hàng nên còn nợ ông H số tiền 156.000.000 đồng cho đến nay chưa trả. Trong lúc bà D làm thủ tục vay vốn ở Ngân hàng không được nên có giao cho ông H một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 994509, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CS 00085 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Phú Yên cấp ngày 05/12/2018. Nay ông H khởi kiện bà D yêu cầu bà D trả số tiền gốc 156.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày vay đến tháng 3/2024 là 34.000.000 đồng. Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà D, khi nào bà D trả xong khoản tiền trên thì ông H trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà D.

*Bị đơn bà Phạm Thị D trình bày:* Bà Phạm Thị D xác nhận có vay, còn nợ của nguyên đơn ông Phan H số tiền 156.000.000 đồng đến nay chưa trả như nguyên đơn H trình bày. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà D đồng ý trả cho nguyên đơn 156.000.000 đồng tiền gốc, đối với yêu cầu tiền lãi 34.000.000 đồng, bà D không đồng ý trả vì ông H giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà D nên bà D không vay tiền được để trả nợ cho ông H.

### **Tại phiên tòa:**

Nguyên đơn ông Phan H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bị đơn bà Phạm Thị D phải có trách nhiệm trả đủ số tiền vay còn nợ là 156.000.000 đồng tiền gốc, yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất của ngân hàng từ lúc vay đến tháng 3/3024 là 34.000.000 đồng. Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà D, khi nào bà D trả cho ông hết khoản tiền nợ này thì ông H trả lại cho bà D. Bị đơn bà Phạm Thị D đồng ý trả cho nguyên đơn ông Phan H số tiền gốc 156.000.000 đồng và 34.000.000 đồng tiền lãi sau 02 tháng kể từ ngày xét xử sơ thẩm. Nguyên đơn ông Phan H thống nhất cho bị đơn D trả số tiền nợ trên sau 02 tháng (ngày 27/5/2024).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PH phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn bà Phạm Thị D phải trả cho nguyên đơn ông Phan H số tiền vay còn nợ 156.000.000 đồng và 34.000.000 đồng tiền lãi; Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật, hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Bị đơn Phạm Thị D có hộ khẩu thường trú tại xã HQN, huyện PH, nguyên đơn kiện bị đơn đòi số tiền 156.000.000 đồng, HĐXX xác định quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1

Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện PH.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan H, HĐXX xét thấy:

[2.1] Đối với yêu cầu số tiền gốc: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Phan H và bị đơn bà Phạm Thị D đều xác nhận: Ngày 27/12/2021, ông H có cho bà D vay 150.000.0000 đồng, ngày 17/01/2022 nguyên đơn cho bị đơn vay tiếp 6.000.000 đồng để trả nợ ngân hàng. Tổng cộng bà D có vay, còn nợ và đồng ý trả cho nguyên đơn ông H số tiền gốc 156.000.000 đồng. Bị đơn cũng thừa nhận chữ ký trong các giấy mượn tiền do nguyên đơn giao nộp cho Tòa án là của bị đơn. Sự thừa nhận của các đương sự là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. HĐXX căn cứ các Điều Điều 463 và 466 của Bộ luật Dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền nêu trên.

[2.2] Đối với số tiền lãi 34.000.000 đồng theo yêu cầu của nguyên đơn từ lúc vay cho đến tháng 3/2024: Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà D không đồng ý trả. Tại phiên tòa, bị đơn thống nhất trả cho nguyên đơn số tiền lãi 34.000.000 đồng. HĐXX căn cứ Điều 468 Bộ luật Dân sự, xét thấy yêu cầu tiền lãi của nguyên đơn là đúng quy định pháp luật, bị đơn chấp nhận trả theo yêu cầu của nguyên đơn nên chấp nhận yêu cầu này.

[2.3] Nguyên đơn ông Phan H, bị đơn bà Phạm Thị D thống nhất cho bị đơn trả số tiền gốc và tiền lãi chậm nhất đến ngày 27/5/2024. Xét sự thỏa thuận trên là sự tự nguyện của các bên, phù hợp quy định pháp luật nên HĐXX ghi nhận sự thỏa thuận này.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về khoản nợ phải trả. Nguyên đơn không phải chịu tiền án phí nên được hoàn trả lại tiền tạm ứng án đã nộp.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 26; Điều 35, Điều 39; khoản 3 Điều 144; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Các Điều 463 và 466, 468 của Bộ luật Dân sự; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### ***Tuyên xử:***

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan H, ghi nhận sự thỏa thuận giữa nguyên đơn với bị đơn: Buộc bà Phạm Thị D phải trả cho nguyên đơn ông Phan H số tiền 190.000.000 đồng (*Một trăm chín mươi triệu đồng*) về khoản tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Trong đó 156.000.000

đồng (Một trăm năm mươi sáu triệu đồng) tiền gốc và 34.000.000 đồng (Ba mươi bốn triệu đồng) tiền lãi. Thời gian trả chậm nhất ngày 27/5/2024.

Khi bà Phạm Thị D trả đủ tiền cho ông Phan H, buộc ông Phan H trả lại cho bà Phạm Thị D giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 994509, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CS 00085 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Phú Yên cấp ngày 05/12/2018.

*Khi đến ngày thỏa thuận, kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn chưa thi hành xong khoản tiền phải trả, thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.*

Về án phí: Bị đơn bà Phạm Thị D phải chịu 9.500.000 đồng (Chín triệu năm trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho nguyên đơn ông Phan H 3.900.000 đồng (Ba triệu chín trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0010242 ngày 21 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện PH, tỉnh Phú Yên.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện PH;
- Chi cục THADS huyện PH;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Trần Minh Nhật**







